

**CÔNG TY CỔ PHẦN 397**

**BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ**

**Tên gói thầu: Mua sắm vật tư, tuy ô thủy lực, mặt bích, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2023**

**Gói thầu số: 04**

**Kế hoạch mua sắm: Mua sắm vật tư, tuy ô thủy lực, mặt bích, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2023**

**Phát hành ngày: 15/12/2022**

**Ban hành kèm theo Quyết định: 2103/QĐ-CT397 ngày 15/12/2022**

**BÊN MỜI THẦU**

**GIÁM ĐỐC**



**Kiều Văn Sinh**

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty cổ phần 397
Kế hoạch	Mua sắm vật tư, tuy ô thủy lực, mặt bích, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2023
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu

# **Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ**

## **Mục 1. Khái quát**

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Cổ phần 397
2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp báo giá) Gói thầu số 04: Mua sắm vật tư, tuy ô thủy lực, mặt bích, đầu cút các loại phục vụ sản xuất năm 2023. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của bản yêu cầu báo giá này.
3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

## **Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu**

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
7. Nhà thầu có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí 1,2,3,4,5,6 Mục 2 này được tham dự thầu với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

## **Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá**

1. Nhà thầu phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Mẫu 03a(1) Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

#### **Mục 4. Thành phần báo giá**

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a và Mẫu 03a(1) Chương III;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao);
4. Bản xác nhận đăng ký thông tin trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.

#### **Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá**

Thời gian có hiệu lực của báo giá là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

#### **Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá**

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc fax về địa chỉ: Công ty Cổ phần 397, khu Yên Lãng 1, phường Yên Thọ, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, TEL: 0203.2211.329- FAX: 0203.871.299 không muộn hơn 09 giờ 00 ngày 20/12/2022. Các báo giá được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà thầu. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà thầu đã nộp báo giá.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu**

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

#### **Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu**

1. Kết quả lựa chọn nhà thầu sẽ được gửi đến tất cả nhà thầu tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và được đăng tải trên website của Công ty cổ phần 397 tại địa chỉ <https://congtycophan397.com.vn>

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu.

#### **Mục 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau: giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 2% giá trị hợp đồng, bằng tiền mặt hoặc thư bảo lãnh ngân hàng.

#### **Mục 10. Giải quyết kiến nghị**

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

## Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

### Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp hàng hóa

Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung nêu tại bảng sau trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

STT	Danh mục vật tư, hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Đầu cút S19 HTC 1/4" 2AT; cong	Bộ	25	Mới 100%	
2	Đầu cút S19 HTC 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	25	Mới 100%	
3	Đầu cút S19 Nhật lõi 1/4" 2 AT; cong	Bộ	15	Mới 100%	
4	Đầu cút S19 Nhật lõi 1/4" 2 AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
5	Đầu cút S22 HTC 3/8" 2AT; cong	Bộ	60	Mới 100%	
6	Đầu cút S22 HTC 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	250	Mới 100%	
7	Đầu cút S22 LX lõi (lỗm, Bằng) 3/8" 2AT M16; cong	Bộ	20	Mới 100%	
8	Đầu cút S22 LX lõi (lỗm, Bằng) 3/8" 2AT M16; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
9	Đầu cút S22 Nhật lõi 3/8 2AT; cong	Bộ	30	Mới 100%	
10	Đầu cút S22 Nhật lõi 3/8 2AT; thẳng	Bộ	30	Mới 100%	
11	Đầu cút S22 Nhật lỗm 3/8" 2AT; cong	Bộ	10	Mới 100%	
12	Đầu cút S22 Nhật lỗm 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	10	Mới 100%	
13	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M18; cong	Bộ	20	Mới 100%	
14	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M18; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
15	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M20; cong	Bộ	20	Mới 100%	
16	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M20; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
17	Đầu cút S24 LX lõi (bằng) 3/8" 2AT M18; cong	Bộ	20	Mới 100%	
18	Đầu cút S24 LX lõi (bằng) 3/8" 2AT M18; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
19	Đầu cút S27 HTC 1/2" R12; cong	Bộ	50	Mới 100%	
20	Đầu cút S27 HTC 1/2" R12; thẳng	Bộ	50	Mới 100%	
21	Đầu cút S27 LX lõi (bằng) 1/2" R12 M20; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
22	Đầu cút S27 Nhật lõi 1/2" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
23	Đầu cút S27 Nhật lõi 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	30	Mới 100%	
24	Đầu cút S27 Nhật lỗm 1/2" 2AT; cong	Bộ	15	Mới 100%	
25	Đầu cút S27 Nhật lỗm 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
26	Đầu cút S30 Nhật lõi 5/8" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
27	Đầu cút S30 Nhật lõi 5/8" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
28	Đầu cút S30 Nhật lỗm 5/8" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
29	Đầu cút S30 Nhật lỗm 5/8" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
30	Đầu cút S32 HTC 5/8" R12; cong	Bộ	40	Mới 100%	
31	Đầu cút S32 HTC 5/8" R12; thẳng	Bộ	60	Mới 100%	
32	Đầu cút S36 HTC 3/4" R12; cong	Bộ	45	Mới 100%	
33	Đầu cút S36 HTC 3/4" R12; thẳng	Bộ	90	Mới 100%	
34	Đầu cút S36 LX lõi 3/4" R12; cong	Bộ	10	Mới 100%	

35	Đầu cút S36 LX lõi 3/4" R12; thẳng	Bộ	10	Mới 100%	
36	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; cong	Bộ	10	Mới 100%	
37	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; thẳng	Bộ	10	Mới 100%	
38	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; cong	Bộ	5	Mới 100%	
39	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; thẳng	Bộ	5	Mới 100%	
40	Đầu cút S41 HTC 1" R12; cong	Bộ	40	Mới 100%	
41	Đầu cút S41 HTC 1" R12; thẳng	Bộ	50	Mới 100%	
42	Đầu cút S41 Nhật lõi 1" R12; cong	Bộ	15	Mới 100%	
43	Đầu cút S41 Nhật lõi 1" R12; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
44	Đầu cút S50 HTC 1.1/4" 2AT; cong	Bộ	10	Mới 100%	
45	Đầu cút S50 HTC 1.1/4" 2AT; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
46	Đầu cút Số 10 Mỹ 1/2" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
47	Đầu cút Số 10 Mỹ 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
48	Đầu cút Số 10 Mỹ 5/8" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
49	Đầu cút Số 10 Mỹ 5/8" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
50	Đầu cút Số 12 Mỹ 3/4" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
51	Đầu cút Số 12 Mỹ 3/4" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
52	Đầu cút Số 16 Mỹ 1" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
53	Đầu cút Số 16 Mỹ 1" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
54	Đầu cút Số 20 Mỹ 1.1/4" R12; cong	Bộ	5	Mới 100%	
55	Đầu cút Số 20 Mỹ 1.1/4" R12; thẳng	Bộ	5	Mới 100%	
56	Đầu cút Số 24 Mỹ 1.1/2" R12; cong	Bộ	5	Mới 100%	
57	Đầu cút Số 24 Mỹ 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	5	Mới 100%	
58	Đầu cút Số 32 Mỹ 2" R12; thẳng	Bộ	6	Mới 100%	
59	Đầu cút Số 32 Mỹ 2" R12; cong	Bộ	6	Mới 100%	
60	Đầu cút Số 4 Mỹ 1/4" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
61	Đầu cút Số 4 Mỹ 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	25	Mới 100%	
62	Đầu cút Số 6 Mỹ 1/4" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
63	Đầu cút Số 6 Mỹ 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
64	Đầu cút Số 6 Mỹ 3/8" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
65	Đầu cút Số 6 Mỹ 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
66	Đầu cút Số 8 Mỹ 1/2" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
67	Đầu cút Số 8 Mỹ 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
68	Đầu cút Số 8 Mỹ 3/8" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
69	Đầu cút Số 8 Mỹ 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
70	Gioăng mặt bích ty ô thủy lực	Cái	550	Mới 100%	
71	Mặt bích 34 5/8" R12; cong	Bộ	40	Mới 100%	
72	Mặt bích 34 5/8" R12; thẳng	Bộ	40	Mới 100%	
73	Mặt bích 38 3/4" R12; cong	Bộ	45	Mới 100%	
74	Mặt bích 38 3/4" R12; thẳng	Bộ	45	Mới 100%	
75	Mặt bích 41 3/4" 4SH CAT; cong	Bộ	15	Mới 100%	

76	Mặt bích 41 3/4" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
77	Mặt bích 45 1" R12; cong	Bộ	45	Mới 100%	
78	Mặt bích 45 1" R12; thẳng	Bộ	45	Mới 100%	
79	Mặt bích 45 1" 2AT; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
80	Mặt bích 45 1" 2AT; cong	Bộ	20	Mới 100%	
81	Mặt bích 48 1" 4SH CAT; cong	Bộ	15	Mới 100%	
82	Mặt bích 48 1" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
83	Mặt bích 50 1" R12; cong	Bộ	15	Mới 100%	
84	Mặt bích 50 1" R12; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
85	Mặt bích 50 1.1/4" R12; cong	Bộ	50	Mới 100%	
86	Mặt bích 50 1.1/4" R12; thẳng	Bộ	50	Mới 100%	
87	Mặt bích 50 1.1/4" 2AT; cong	Bộ	100	Mới 100%	
88	Mặt bích 50 1.1/4" 2AT; thẳng	Bộ	80	Mới 100%	
89	Mặt bích 54 1.1/4" R15; cong	Bộ	80	Mới 100%	
90	Mặt bích 54 1.1/4" R15; thẳng	Bộ	70	Mới 100%	
91	Mặt bích 60 1.1/2" R12; cong	Bộ	50	Mới 100%	
92	Mặt bích 60 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	40	Mới 100%	
93	Mặt bích 60 1.1/2" 2AT; cong	Bộ	150	Mới 100%	
94	Mặt bích 60 1.1/2" 2AT; thẳng	Bộ	150	Mới 100%	
95	Mặt bích 64 1.1/2" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
96	Mặt bích 64 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
97	Mặt bích 64 1.1/2" R15; cong	Bộ	80	Mới 100%	
98	Mặt bích 64 1.1/2" R15; thẳng	Bộ	80	Mới 100%	
99	Mặt bích 72 2" R12; cong	Bộ	20	Mới 100%	
100	Mặt bích 72 2" R12; thẳng	Bộ	20	Mới 100%	
101	Mặt bích 72 2" 2AT; cong	Bộ	35	Mới 100%	
102	Mặt bích 72 2" 2AT; thẳng	Bộ	30	Mới 100%	
103	Mặt bích 72 2" 4SH CAT; cong	Bộ	15	Mới 100%	
104	Mặt bích 72 2" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15	Mới 100%	
105	Mặt bích 84 2" 2AT; cong	Bộ	5	Mới 100%	
106	Mặt bích 84 2" 2AT; thẳng	Bộ	5	Mới 100%	
107	Mặt bích 72 1.1/2" 2AT; cong	Bộ	10	Mới 100%	
108	Mặt bích 72 1.1/2" 2AT; thẳng	Bộ	10	Mới 100%	
109	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 1AT	Mét	20	Mới 100%	
110	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 2AT	Mét	60	Mới 100%	
111	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 4SH	Mét	20	Mới 100%	
112	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 4SP	Mét	30	Mới 100%	
113	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; R15	Mét	40	Mới 100%	
114	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 1AT	Mét	20	Mới 100%	
115	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 2AT	Mét	50	Mới 100%	
116	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 4SH	Mét	20	Mới 100%	
117	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 4SP	Mét	20	Mới 100%	

118	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; R15	Mét	30	Mới 100%	
119	Tuy ô thủy lực 1/2"; 2AT	Mét	50	Mới 100%	
120	Tuy ô thủy lực 1/2"; 4SH	Mét	50	Mới 100%	
121	Tuy ô thủy lực 1/4"; 1AT	Mét	15	Mới 100%	
122	Tuy ô thủy lực 1/4"; 2AT	Mét	50	Mới 100%	
123	Tuy ô thủy lực 1"; 2AT	Mét	30	Mới 100%	
124	Tuy ô thủy lực 1"; 4SP	Mét	30	Mới 100%	
125	Tuy ô thủy lực 1"; 4SH	Mét	30	Mới 100%	
126	Tuy ô thủy lực 2"; 2AT	Mét	40	Mới 100%	
127	Tuy ô thủy lực 2"; 4SH	Mét	20	Mới 100%	
128	Tuy ô thủy lực 3/4"; 2AT	Mét	60	Mới 100%	
129	Tuy ô thủy lực 3/4"; 4SP	Mét	50	Mới 100%	
130	Tuy ô thủy lực 3/4"; 4SH	Mét	40	Mới 100%	
131	Tuy ô thủy lực 3/8"; 2AT	Mét	200	Mới 100%	
132	Tuy ô thủy lực 3/8"; 4SH	Mét	10	Mới 100%	
133	Tuy ô thủy lực 5/8"; 2AT	Mét	30	Mới 100%	
134	Tuy ô thủy lực 5/8"; 4SP	Mét	30	Mới 100%	
135	Tuy ô thủy lực 5/8"; 4SH	Mét	25	Mới 100%	

**\* Yêu cầu khác**

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Yêu cầu</b>
1	Thời gian giao hàng	Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
2	Tiến độ giao hàng	Trong vòng 03 ngày ngay sau khi hợp đồng ký kết có hiệu lực. Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu.
3	Địa điểm giao hàng	Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397
4	Thời gian thanh toán	Thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn của từng đợt giao hàng, với điều kiện bên bán đã cung cấp đầy đủ giấy tờ liên quan bao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, CO/CQ đối với hàng hóa nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác.
5	Năm sản xuất	Sản xuất năm 2022 và/hoặc 2023 (ghi rõ năm sản xuất từng mục hàng hóa)
6	Chất lượng hàng hóa	Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại.
7	Bảo hành	Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Yêu cầu nhà thầu chào chi tiết từng mục bảo hành cho hàng hóa.
8	Xuất xứ hàng hóa	Nêu rõ hãng sản xuất hoặc nước sản xuất, Có giấy ủy quyền phân phối sản phẩm chính hãng hoặc giấy chứng nhận đại lý cấp 1 của hãng sản xuất hoặc tài liệu khác chứng minh nhà cung cấp là đơn vị đại diện cho Hãng sản xuất cung cấp sản phẩm tại Việt Nam ( nếu có )

Các nhà thầu phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu nêu trên thì mới được đánh giá là đạt.

## Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

### ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá chào</b> <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		<b>(M) + (I)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 03a(1)

**BẢNG GIÁ CHÀO CỬA HÀNG HÓA**

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Đầu cút S19 HTC 1/4" 2AT; cong	Bộ	25					
2	Đầu cút S19 HTC 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	25					
3	Đầu cút S19 Nhật lõi 1/4" 2 AT; cong	Bộ	15					
4	Đầu cút S19 Nhật lõi 1/4" 2 AT; thẳng	Bộ	20					
5	Đầu cút S22 HTC 3/8" 2AT; cong	Bộ	60					
6	Đầu cút S22 HTC 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	250					
7	Đầu cút S22 LX lõi (lỗm, Bằng) 3/8" 2AT M16; cong	Bộ	20					
8	Đầu cút S22 LX lõi (lỗm, Bằng) 3/8" 2AT M16; thẳng	Bộ	20					
9	Đầu cút S22 Nhật lõi 3/8 2AT; cong	Bộ	30					
10	Đầu cút S22 Nhật lõi 3/8 2AT; thẳng	Bộ	30					
11	Đầu cút S22 Nhật lỗm 3/8" 2AT; cong	Bộ	10					
12	Đầu cút S22 Nhật lỗm 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	10					
13	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M18; cong	Bộ	20					
14	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M18; thẳng	Bộ	20					
15	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M20; cong	Bộ	20					
16	Đầu cút S24 Đức 3/8" 2AT M20; thẳng	Bộ	20					
17	Đầu cút S24 LX lõi (bằng) 3/8" 2AT M18; cong	Bộ	20					
18	Đầu cút S24 LX lõi (bằng) 3/8" 2AT M18; thẳng	Bộ	20					
19	Đầu cút S27 HTC 1/2" R12; cong	Bộ	50					
20	Đầu cút S27 HTC 1/2" R12; thẳng	Bộ	50					
21	Đầu cút S27 LX lõi (bằng) 1/2" R12 M20; thẳng	Bộ	20					
22	Đầu cút S27 Nhật lõi 1/2" 2AT; cong	Bộ	20					
23	Đầu cút S27 Nhật lõi 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	30					
24	Đầu cút S27 Nhật lỗm 1/2" 2AT; cong	Bộ	15					
25	Đầu cút S27 Nhật lỗm 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	15					
26	Đầu cút S30 Nhật lõi 5/8" R12; cong	Bộ	20					
27	Đầu cút S30 Nhật lõi 5/8" R12; thẳng	Bộ	20					
28	Đầu cút S30 Nhật lỗm 5/8" R12; cong	Bộ	20					
29	Đầu cút S30 Nhật lỗm 5/8" R12; thẳng	Bộ	20					
30	Đầu cút S32 HTC 5/8" R12; cong	Bộ	40					
31	Đầu cút S32 HTC 5/8" R12; thẳng	Bộ	60					
32	Đầu cút S36 HTC 3/4" R12; cong	Bộ	45					
33	Đầu cút S36 HTC 3/4" R12; thẳng	Bộ	90					
34	Đầu cút S36 LX lõi 3/4" R12; cong	Bộ	10					
35	Đầu cút S36 LX lõi 3/4" R12; thẳng	Bộ	10					
36	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; cong	Bộ	10					
37	Đầu cút S36 Nhật lõi 3/4" R12; thẳng	Bộ	10					

38	Đầu cút S36 Nhật lõm 3/4" R12; cong	Bộ	5					
39	Đầu cút S36 Nhật lõm 3/4" R12; thẳng	Bộ	5					
40	Đầu cút S41 HTC 1" R12; cong	Bộ	40					
41	Đầu cút S41 HTC 1" R12; thẳng	Bộ	50					
42	Đầu cút S41 Nhật lõi 1" R12; cong	Bộ	15					
43	Đầu cút S41 Nhật lõi 1" R12; thẳng	Bộ	15					
44	Đầu cút S50 HTC 1.1/4" 2AT; cong	Bộ	10					
45	Đầu cút S50 HTC 1.1/4" 2AT; thẳng	Bộ	15					
46	Đầu cút Số 10 Mỹ 1/2" 2AT; cong	Bộ	20					
47	Đầu cút Số 10 Mỹ 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	20					
48	Đầu cút Số 10 Mỹ 5/8" R12; cong	Bộ	20					
49	Đầu cút Số 10 Mỹ 5/8" R12; thẳng	Bộ	20					
50	Đầu cút Số 12 Mỹ 3/4" R12; cong	Bộ	20					
51	Đầu cút Số 12 Mỹ 3/4" R12; thẳng	Bộ	20					
52	Đầu cút Số 16 Mỹ 1" R12; cong	Bộ	20					
53	Đầu cút Số 16 Mỹ 1" R12; thẳng	Bộ	20					
54	Đầu cút Số 20 Mỹ 1.1/4" R12; cong	Bộ	5					
55	Đầu cút Số 20 Mỹ 1.1/4" R12; thẳng	Bộ	5					
56	Đầu cút Số 24 Mỹ 1.1/2" R12; cong	Bộ	5					
57	Đầu cút Số 24 Mỹ 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	5					
58	Đầu cút Số 32 Mỹ 2" R12; thẳng	Bộ	6					
59	Đầu cút Số 32 Mỹ 2" R12; cong	Bộ	6					
60	Đầu cút Số 4 Mỹ 1/4" 2AT; cong	Bộ	20					
61	Đầu cút Số 4 Mỹ 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	25					
62	Đầu cút Số 6 Mỹ 1/4" 2AT; cong	Bộ	20					
63	Đầu cút Số 6 Mỹ 1/4" 2AT; thẳng	Bộ	20					
64	Đầu cút Số 6 Mỹ 3/8" 2AT; cong	Bộ	20					
65	Đầu cút Số 6 Mỹ 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	20					
66	Đầu cút Số 8 Mỹ 1/2" 2AT; cong	Bộ	20					
67	Đầu cút Số 8 Mỹ 1/2" 2AT; thẳng	Bộ	20					
68	Đầu cút Số 8 Mỹ 3/8" 2AT; cong	Bộ	20					
69	Đầu cút Số 8 Mỹ 3/8" 2AT; thẳng	Bộ	20					
70	Gioăng mặt bích ty ô thủy lực	Cái	550					
71	Mặt bích 34 5/8" R12; cong	Bộ	40					
72	Mặt bích 34 5/8" R12; thẳng	Bộ	40					
73	Mặt bích 38 3/4" R12; cong	Bộ	45					
74	Mặt bích 38 3/4" R12; thẳng	Bộ	45					
75	Mặt bích 41 3/4" 4SH CAT; cong	Bộ	15					
76	Mặt bích 41 3/4" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15					
77	Mặt bích 45 1" R12; cong	Bộ	45					
78	Mặt bích 45 1" R12; thẳng	Bộ	45					
79	Mặt bích 45 1" 2AT; thẳng	Bộ	20					
80	Mặt bích 45 1" 2AT; cong	Bộ	20					
81	Mặt bích 48 1" 4SH CAT; cong	Bộ	15					

82	Mặt bích 48 1" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15					
83	Mặt bích 50 1" R12; cong	Bộ	15					
84	Mặt bích 50 1" R12; thẳng	Bộ	15					
85	Mặt bích 50 1.1/4" R12; cong	Bộ	50					
86	Mặt bích 50 1.1/4" R12; thẳng	Bộ	50					
87	Mặt bích 50 1.1/4" 2AT; cong	Bộ	100					
88	Mặt bích 50 1.1/4" 2AT; thẳng	Bộ	80					
89	Mặt bích 54 1.1/4" R15; cong	Bộ	80					
90	Mặt bích 54 1.1/4" R15; thẳng	Bộ	70					
91	Mặt bích 60 1.1/2" R12; cong	Bộ	50					
92	Mặt bích 60 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	40					
93	Mặt bích 60 1.1/2" 2AT; cong	Bộ	150					
94	Mặt bích 60 1.1/2" 2AT; thẳng	Bộ	150					
95	Mặt bích 64 1.1/2" R12; cong	Bộ	20					
96	Mặt bích 64 1.1/2" R12; thẳng	Bộ	20					
97	Mặt bích 64 1.1/2" R15; cong	Bộ	80					
98	Mặt bích 64 1.1/2" R15; thẳng	Bộ	80					
99	Mặt bích 72 2" R12; cong	Bộ	20					
100	Mặt bích 72 2" R12; thẳng	Bộ	20					
101	Mặt bích 72 2" 2AT; cong	Bộ	35					
102	Mặt bích 72 2" 2AT; thẳng	Bộ	30					
103	Mặt bích 72 2" 4SH CAT; cong	Bộ	15					
104	Mặt bích 72 2" 4SH CAT; thẳng	Bộ	15					
105	Mặt bích 84 2" 2AT; cong	Bộ	5					
106	Mặt bích 84 2" 2AT; thẳng	Bộ	5					
107	Mặt bích 72 1.1/2" 2AT; cong	Bộ	10					
108	Mặt bích 72 1.1/2" 2AT; thẳng	Bộ	10					
109	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 1AT	Mét	20					
110	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 2AT	Mét	60					
111	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 4SH	Mét	20					
112	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; 4SP	Mét	30					
113	Tuy ô thủy lực 1.1/2"; R15	Mét	40					
114	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 1AT	Mét	20					
115	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 2AT	Mét	50					
116	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 4SH	Mét	20					
117	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; 4SP	Mét	20					
118	Tuy ô thủy lực 1.1/4"; R15	Mét	30					
119	Tuy ô thủy lực 1/2"; 2AT	Mét	50					
120	Tuy ô thủy lực 1/2"; 4SH	Mét	50					
121	Tuy ô thủy lực 1/4"; 1AT	Mét	15					
122	Tuy ô thủy lực 1/4"; 2AT	Mét	50					
123	Tuy ô thủy lực 1"; 2AT	Mét	30					
124	Tuy ô thủy lực 1"; 4SP	Mét	30					
125	Tuy ô thủy lực 1"; 4SH	Mét	30					

126	Tuy ô thủy lực 2"; 2AT	Mét	40					
127	Tuy ô thủy lực 2"; 4SH	Mét	20					
128	Tuy ô thủy lực 3/4"; 2AT	Mét	60					
129	Tuy ô thủy lực 3/4"; 4SP	Mét	50					
130	Tuy ô thủy lực 3/4"; 4SH	Mét	40					
131	Tuy ô thủy lực 3/8"; 2AT	Mét	200					
132	Tuy ô thủy lực 3/8"; 4SH	Mét	10					
133	Tuy ô thủy lực 5/8"; 2AT	Mét	30					
134	Tuy ô thủy lực 5/8"; 4SP	Mét	30					
135	Tuy ô thủy lực 5/8"; 4SH	Mét	25					

**Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)**

Ghi chú:

- Các cột (5), (6), (7), (8) (9) do nhà thầu chào.
- Đơn giá tại cột (7) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời thầu, trong đó bao gồm các phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào hàng cạnh tranh, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

## Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: \_\_\_\_\_ [Ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ<sup>(1)</sup> \_\_\_\_ [Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];
- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13];
- Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP];
- Căn cứ \_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];
- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] của \_\_\_\_ [Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời thầu;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời thầu và nhà thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A)**

Bên mời thầu [Ghi tên bên mời thầu]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường

<sup>2</sup> Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

*hợp được ủy quyền).*

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng, thời gian, địa điểm giao hàng và chất lượng hàng hóa**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Thời gian giao hàng: Theo yêu cầu của bên mời thầu trong vòng 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Tiến độ giao hàng: Trong vòng 03 ngày ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực. Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của bên mời thầu.

Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty Cổ phần 397, khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100% đúng quy cách chủng loại. Sản xuất năm 2022 và/ hoặc 2023.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Báo giá và các văn bản làm rõ báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ bản yêu cầu báo giá (nếu

có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ đồng

Bằng chữ :

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán

b) Thời hạn thanh toán

c) Số lần thanh toán

**Điều 4. Loại hợp đồng:** Theo đơn giá cố định

### **Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng : 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

### **Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

*[Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói thầu]*

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

### **Điều 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời gian nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: trong vòng \_\_\_\_\_ (\_\_\_\_\_) ngày làm việc kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng : \_\_\_\_\_ đồng (Bằng chữ : \_\_\_\_\_) tương đương 2% giá trị hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng : \_\_\_\_\_ ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A ; Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia

hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Điều 8. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

### **Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của các bên:**

1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

a). *Quyền:*

- Yêu cầu bên B cung cấp hàng hóa, dịch vụ đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng.

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa;

b). *Nghĩa vụ:*

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, bên A sẽ phải thanh toán cho bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh

số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập (kiểm tra chất lượng) hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:**

### *a). Quyền:*

Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại Điều 3 Hợp đồng này;

### *b). Nghĩa vụ:*

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

-  $Gp\text{td} = (T_{th} - T_{hs}) \times GC \times R \times 1,5$

Gptd: Giá trị phạt giao hàng chậm

Tth: Thời gian bên bán hoàn thành việc giao hàng (ngày);

Ths: Thời gian nhận hàng theo thông báo của bên A (ngày);

GC: Giá trị hàng hóa giao chậm;

R: Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 05 (năm) ngày và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho bên A nếu bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các chứng từ, hồ sơ liên quan đến hàng hóa cho bên A.

## **Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

## **Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong hồ sơ yêu cầu, cụ thể là: Đối với các hàng hóa có nguồn gốc nước ngoài, nhà thầu phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hoặc cung cấp bản sao y có công chứng, bản sao vận đơn thể hiện tên hàng theo hợp đồng. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo qui định của hợp đồng đã được

Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Hàng hóa được giao tại kho bên A, địa chỉ : Kho vật tư, kho nhiên liệu dầu mỡ phụ - Công ty CP 397, Trảng Bạch, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do bên A chỉ định. Bản chính của hóa đơn hợp lệ được giao cho Bên A khi giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: Thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm theo yêu cầu bên A.

#### **Điều 12. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho của bên B và giao hàng do Bên B chịu.

#### **Điều 13. Bảo hành**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: Hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (ghi rõ thời gian bảo hành đối với từng mục hàng hóa cụ thể)

#### **Điều 14. Bất khả kháng**

Nhà Cung Cấp không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, song ngoài khả năng kiểm soát của Nhà Cung Cấp. Tuy nhiên, Nhà Cung Cấp sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Khách Hàng không thể không chấp nhận cho Nhà Cung Cấp thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại

**Điều 15. Điều khoản chung.**

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung.

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng, hòa giải được thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

**Điều 16. Hiệu lực hợp đồng.**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày / /2023.

2. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực giao nhận hàng hóa và không phát sinh tranh chấp, hai bên tiến hành lập thủ tục thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
BÊN MỜI THẦU**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở bản yêu cầu báo giá, báo giá của nhà thầu và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 03a (bao gồm Mẫu số 03a(1), Mẫu số 03a(2)) hoặc Mẫu số 03b trong bản yêu cầu báo giá này].*

## MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu]

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);<sup>(2)</sup>

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [Ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_ [Ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **Ghi chú:**

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [Ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.